

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN MỚI TRONG QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ KINH NGHIỆM TỪ CÁC WORKSHOP QUỐC TẾ CHỦ ĐỀ “HÀ NỘI – ĐÔ THỊ NƯỚC”

Phạm Thúy Loan¹

Tóm tắt: Bài viết này, trước hết, trình bày những thông tin học thuật mới trong lĩnh vực đô thị và quy hoạch đô thị trên thế giới, đó là lý luận về ‘Đô thị học cảnh quan’ và cách tiếp cận ‘Quy hoạch cấu trúc chiến lược’. Đây là những lý luận đô thị và quy hoạch tiên tiến, được giới thiệu vào trường Đại học Xây dựng thông qua những chương trình nghiên cứu - thiết kế theo mô hình Workshop (xưởng) kết hợp với đại học Katholic Leuven, Vương quốc Bỉ. Vì vậy, phần thứ hai của bài viết sẽ mô tả nội dung và phương pháp triển khai các workshop nói trên như những cách làm rất đáng tham khảo, học hỏi.

Bằng việc vận dụng những lý luận và phương pháp tiếp cận tiên tiến vào trường hợp cụ thể là thành phố Hà Nội, kết quả nghiên cứu ban đầu từ hai workshop đã chỉ ra được những đặc điểm và vấn đề của Thủ đô Hà Nội trong bối cảnh mới đầy thách thức của quá trình đô thị hóa nhanh chóng cùng những nguy cơ tiềm tàng của biến đổi khí hậu (BĐKH) trong mối liên hệ với chủ đề ‘nước’.

Từ khóa: đô thị học cảnh quan, quy hoạch cấu trúc chiến lược, biến đổi khí hậu, xưởng nghiên cứu - thiết kế, đô thị nước

Summary: This article, first of all, is to present new scholarly information in the field of urban study and urban planning in the World; those are ‘Landscape urbanism’ and ‘Strategic Structural Planning’, in which ‘urban analysis’ is an important tool, meaning the foundation of planning and design process. Next, the article will introduce the research and design contents of the two workshops entitled “Hanoi - water city” conducted in Hanoi with collaboration between teachers, students of NUCE and KU Leuven in 2009, 2011.

By applying these theoretical and innovative approaches in the specific case of Hanoi, the initial research results from the two workshops pointed out the characteristics and problems of Hanoi with challenges of new context of high speed, disordered urbanization and potential risks of climate change (CC) in connection with the theme of ‘water’.

Keywords: landscape urbanism, strategic structural planning, climate change, research-design workshop, water city

Nhận ngày 24/9/2012, chỉnh sửa ngày 28/11/2012, chấp nhận đăng 15/12/2012

¹PGS, TS. Khoa Kiến trúc và Quy hoạch, Trường Đại học Xây dựng. E-mail : phamthuyloan@uai.org.vn

1. “Đô thị học cảnh quan” và “Quy hoạch cấu trúc chiến lược”

‘Đô thị học cảnh quan’ (ĐTHCQ) là khái niệm được dịch từ thuật ngữ tiếng Anh Landscape Urbanism. Tuy mới ra đời (cuối những năm 1990) nhưng ĐTHCQ đã trở thành một trào lưu khá vững chắc trong nghiên cứu và thực hành quy hoạch, thiết kế đô thị trên thế giới. Trong bối cảnh quy hoạch và phát triển tại Việt Nam hiện nay, khi phương pháp quy hoạch truyền thống đã trở nên không còn phù hợp với cuộc sống đương đại, nếu không muốn nói là đang rất có vấn đề, ĐTHCQ có tiềm năng trở thành một hướng tiếp cận hiệu quả, phản ánh tính đa ngành của công tác quy hoạch đô thị, một phương pháp nhằm nhận diện và sử dụng tiềm năng tự nhiên và đặc trưng sinh thái của địa phương cho mục tiêu phát triển bền vững.

ĐTHCQ là một lý luận về quy hoạch và thiết kế đô thị dựa trên lập luận rằng ‘cảnh quan tự nhiên’ chính là thành tố cơ sở để cấu trúc nên đô thị và nâng cao chất lượng không gian đô thị, chứ không phải là các yếu tố nhân tạo như đường sá và công trình trong như cách tiếp cận quy hoạch thông thường. James Corner, giáo sư ĐHTH Pennsylvania, Hoa Kỳ, một trong những người đặt nền móng cho ĐTHCQ, trong bài viết có tiêu đề “Terra Fluxus” đã đề xuất năm nguyên tắc chủ đạo của lĩnh vực ĐTHCQ, đó là:

- Bình diện (horizontality): quan tâm đến vấn đề địa hình, địa mạo, bề mặt lãnh thổ trong quá trình quy hoạch và thiết kế; không nên lệ thuộc thái quá vào các giải pháp khoa học kỹ thuật và các cấu trúc nhân tạo như đê, kè, cầu, cống

- Hạ tầng (Infrastructures): không nên quá chú trọng đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật như đường sá, sân bay... như cách chúng ta vẫn thường làm, mà ngược lại, cần đặc biệt quan tâm đến những hạ tầng hữu cơ, những hệ thống “hạ tầng tự nhiên” sẵn có như hệ thống nước, hệ thống cây xanh...

- Cấu trúc biến đổi (Forms of Process): khi quy hoạch hay thiết kế, tức là tạo dựng một “form”, chúng ta cần hiểu về các quá trình diễn ra trong “form” và của chính “form”. Như vậy, “form” được tạo ra không nên là các định dạng vật thể cố định, tĩnh, mà phải là các ‘cấu trúc’ cho phép sự biến đổi và cho phép các quá trình diễn ra.

- Kỹ thuật (Techniques): cần có những sáng kiến để điều chỉnh các giải pháp kỹ thuật cho phù hợp với điều kiện môi trường đặc thù của từng địa điểm. Điều này có nghĩa là cần áp dụng một cách thận trọng và chọn lọc giải pháp của nơi này cho một nơi khác.

- Sinh thái (Ecology): đời sống của chúng ta gắn bó và tương tác với môi trường, và vì vậy chúng ta phải tôn trọng, nâng niu môi trường sinh thái khi tạo dựng môi trường đô thị.

Như vậy, nói một cách ngắn gọn, ĐTHCQ xem cảnh quan tự nhiên là một loại ‘cơ sở hạ tầng’ có ý nghĩa sống còn cho sự phát triển lành mạnh của đô thị, và vì vậy việc hiểu điều kiện tự nhiên bản địa là ‘khâu’ đặt nền móng cho công tác quy hoạch và thiết kế đô thị. ĐTHCQ ra đời từ nhận thức về những vấn đề bất cập trong sự phát triển đương đại tại nhiều quốc gia mà phần nhiều là do ‘lạm dụng’ chủ nghĩa hiện đại trong kiến trúc và đô thị.

“Quy hoạch cấu trúc chiến lược” (QHCTCL) cũng là một khái niệm chuyên môn mới, một cách tiếp cận thực hành quy hoạch mới trên thế giới. Trong một thời gian dài, quy hoạch đô thị dựa trên phương pháp “masterplan” (tức là quy hoạch tổng thể) với những quy định, luật lệ cứng nhắc đã không còn phù hợp với sự biến động nhanh chóng của thực tiễn phát triển. Với châu Á, một châu lục đầy năng động nói chung và Việt Nam nói riêng, thì bản thân việc lập masterplan (mất một đến hai năm) rồi hiệu chỉnh chúng nhiều lần qua các quy trình, thủ tục công kênh chính là dấu hiệu cho sự bất cập, lỗi thời của phương pháp này với tư cách là một công cụ định hướng và quản lý phát triển.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG

Nhiều nước ở Châu Âu và những nơi khác trên thế giới gần đây là bỏ cách làm masterplan mà chuyển sang “quy hoạch cấu trúc” - tức là xác định bộ khung không gian đô thị với những đặc điểm mấu chốt, củng cố chặt chẽ hình thái đô thị hiện hữu, hỗ trợ phát triển đô thị trong tương lai, tạo hiệu quả tích hợp cho những hành động, can thiệp rời rạc. Và ‘quy hoạch chiến lược’ là xác định những đầu tư hay can thiệp ưu tiên, có ý nghĩa như chìa khoá hay đòn bẩy, vừa góp phần tạo cấu trúc tổng thể, vừa tận dụng những cơ hội cụ thể của từng vị trí. Sự kết hợp của “cấu trúc” và “chiến lược” là cốt lõi của cách tiếp cận “cấu trúc chiến lược”: nó cho phép rút gọn phạm vi những nội dung quy hoạch (chỉ quy hoạch những thứ có thể, có cơ sở) nhưng đòi hỏi một sự nhìn nhận và can thiệp chính xác hơn. QHCTCL có ba nội hàm mang ý nghĩa then chốt, đó là:

- **“Tầm nhìn không gian”** thể hiện cấu trúc khung không gian cho sự phát triển tương lai bền vững;

- **“Dự án và hành động chiến lược”** là công cụ được lựa chọn để thực hiện tầm nhìn, tạo dựng cấu trúc;

- **“Đồng thực hiện”** chỉ các cơ chế lôi cuốn nhiều chủ thể, đối tác khác nhau như khối tư nhân, cộng đồng tham gia vào quá trình quy hoạch, ra quyết định và thực hiện.

Quy trình lập QHCTCL tập trung vào 3 giai đoạn của quá trình thiết kế và hoạch định chính sách cho đô thị, gồm:

- Phân tích đô thị;
- Xây dựng Tầm nhìn đô thị;
- Xác định các Dự án chiến lược.

Phân tích đô thị

Là quá trình đọc - hiểu nhằm lý giải bản chất và logic của các quá trình đô thị. Phân tích đô thị là một nhiệm vụ lớn, phức tạp, có khối lượng công việc đồ sộ, chiếm khoảng 70% công việc của một đồ án quy hoạch. Điều này rất khác với cách làm quy hoạch thực tiễn ở nước ta hiện nay khi phần đánh giá hiện trạng bị xem nhẹ và được đưa vào đồ án hết sức sơ sài, hình thức.

Phân tích đô thị kết hợp cả nghiên cứu tài liệu có sẵn (bản đồ, tài liệu lịch sử, các thời kỳ và ngày nay) - gọi là *“nghiên cứu từ trên xuống”* nghiên cứu thực địa nhằm cảm nhận trực tiếp thực trạng bằng cái nhìn cận cảnh - gọi là *“nghiên cứu từ dưới lên”*. Phân tích đô thị cũng kết hợp việc đánh giá lại các đồ án quy hoạch chung hiện có và các dự án đầu tư lớn đang hoặc chuẩn bị triển khai; xác định các chủ thể chính trong quá trình ra quyết định, hình dung các nhóm chủ thể mới - các nhà đầu tư tiềm năng. Phân tích đô thị sẽ kết thúc bằng một giả thuyết về tương lai của đô thị.

Tầm nhìn đô thị

Tầm nhìn đô thị là tuyên bố bằng lời và hình ảnh diễn hoạ phản ánh cấu trúc tương lai của đô thị với những nội hàm chính sau:

- Củng cố cấu trúc hiện có;
- Là khung cấu trúc có tính gắn kết và linh động;
- Có khả năng ứng phó với thảm hoạ và tạo ra những cơ hội mới.

Việc xác định được cấu trúc này chính là nhiệm vụ then chốt của quá trình quy hoạch cấu trúc chiến lược, trong đó chúng ta chỉ xác định quy hoạch những gì có thể quy hoạch được, giảm thiểu chi phí đầu tư những dự án cồng kềnh, kém hiệu quả, và đảm bảo các can thiệp quy hoạch không tạo ra những hậu quả, những tác dụng phụ rất nghiêm trọng cho hệ sinh thái, môi trường đô thị và nền kinh tế.

Dự án đô thị chiến lược

Một nội dung cấu thành nữa của QHCTCL là xây dựng những dự án chủ chốt giúp hiện thực hoá Tầm nhìn, nhất thể hoá hoặc định hướng lại các thể lực đối nghịch trong sự vận động đô thị để tạo ra sức mạnh tổng hợp. Đồng thời, các dự án phải có quy mô gọn và có tác dụng đòn bẩy; có khả năng gắn kết, trung gian kết nối và tổ chức nhiều chủ thể và nhiều hoạt động; có tính khả thi, hiệu quả và sáng tạo.

Việc kết hợp ĐTHCQ và QHCTCL với nhau cho chúng ta một cách tiếp cận quy hoạch và thiết kế đô thị tiên tiến, trong đó, cấu trúc cảnh quan được xem xét ngay từ đầu và trở thành bộ khung để thiết lập cấu trúc không gian của đô thị và bộ khung này sẽ được hiện thực hoá một cách hiệu quả thông qua các dự án/ các can thiệp có ý nghĩa chiến lược.

2. Những xưởng thiết kế (workshop) về Đô thị học cảnh quan và Quy hoạch cấu trúc chiến lược ở Hà Nội

Mặc dù mới nhưng đã có một số dự án thiết kế và hoạt động chuyên môn theo hướng tiếp cận ĐTHCQ và QHCTCL được thực hiện tại Việt Nam. Trường ĐHXD, Khoa Kiến trúc và Quy hoạch đã có cơ hội làm quen với cách tiếp cận này thông qua hai Workshop quốc tế với chủ đề “Hà Nội - đô thị nước” (Hanoi Water Urbanism) với Khoa Kiến trúc và Đô thị, ĐH Katholiec Leuven (KUL), Vương quốc Bỉ vào năm 2009 và 2011. Đây là những chương trình nghiên cứu thực tiễn dạng xưởng nghiên cứu - thiết kế (NC-TK) dành cho sinh viên cao học trong lĩnh vực thiết kế đô thị của KUL.

Mục tiêu chính của các xưởng NC-TK này là phát triển một cách tiếp cận sáng tạo trong thiết kế, kỹ thuật và quản lý đô thị trong bối cảnh Hà Nội đang đứng trước điểm tụ hội của hai thách thức lớn mang tính thời đại là (1) biến đổi khí hậu và (2) tăng trưởng đô thị đột biến. Những giải pháp quy hoạch đưa ra sẽ phải phù hợp với hoàn cảnh địa phương, vừa giải quyết bài toán thoát nước đô thị, giảm thiểu nguy cơ ngập lụt, vừa có thể được đưa vào khuôn khổ pháp lý quy hoạch tại Việt Nam, đồng thời tích hợp các lĩnh vực như kỹ thuật hạ tầng, thiết kế và quản lý đô thị hiện đang hoạt động theo các khu vực pháp lý riêng biệt.

Mỗi xưởng NC-TK đều được tổ chức thành hai giai đoạn. Giai đoạn một là bước “Phân tích đô thị” dựa trên một cuộc khảo sát thực địa tại Việt Nam diễn ra trong hai tuần với sự tham gia của các sinh viên trong nước và quốc tế. Các sinh viên được phân thành 12 nhóm nhỏ, mỗi nhóm có 4 hoặc 5 sinh viên đến từ nhiều nước, làm việc cùng nhau trong suốt quá trình workshop. Giai đoạn hai được các sinh viên quốc tế tiếp tục thực hiện tại KUL và trở thành luận văn thạc sỹ cho từng cá nhân. Tuy nhiên phía Việt Nam thường không có điều kiện để tiếp tục giai đoạn thứ hai này.

Ở khâu khảo sát thực địa, mười hai nhóm sinh viên được xây dựng dựa trên ma trận giữa (bốn) chủ đề nghiên cứu và (ba) khu vực nghiên cứu. Để thúc đẩy tính liên ngành, bốn chủ đề nghiên cứu được đưa ra là: Tự nhiên, Xã hội, Không gian và Kỹ thuật. Bốn lĩnh vực trên thực chất có mối liên hệ với nhau và đều phản ánh những khía cạnh của đô thị.

Các khu vực nghiên cứu thì được lựa chọn tùy theo từng chủ đề của Workshop. Năm 2009, workshop tập trung vào thành phố Hà Nội hiện hữu nên ba khu vực nghiên cứu cụ thể được đề xuất là:

- Sông Hồng,
- Các hồ, ao
- Các sông nhỏ gồm sông Tô Lịch, sông Nhuệ và sông Đáy.

Năm 2011, sau khi Hà Nội mở rộng địa giới hành chính, workshop chọn phạm vi nghiên cứu một dải lãnh thổ điển hình cho toàn vùng Hà Nội rộng khoảng 600 km² (dài 75km và rộng 8

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG

km) kéo dài từ khu vực thị trấn Văn Giang, tỉnh Hưng Yên nằm phía tả ngạn sông Hồng về phía tây tới khu vực dãy núi Ba Vì. Đây là khu vực ẩn chứa nhiều vấn đề liên quan đến yếu tố nước kéo dài từ khu vực thấp nhất của trung tâm Hà Nội tới khu vực phong phú về hồ, tới một loạt hệ thống giao thông đường thủy và hệ thống tưới tiêu, thủy lợi trong khu vực Hà Nội mở rộng, tới vùng núi nơi tiềm ẩn những thách thức do địa hình mang lại. Ba khu vực cụ thể được chọn cho workshop thứ hai này là:

- Khu vực Sông Hồng (phía Đông);
- Khu vực Sông Đáy (giữa);
- Khu vực núi Ba Vì (phía Tây).

Trong suốt quá trình khảo sát thực địa của mỗi workshop các thành viên sẽ được tiếp thu các bài giảng của các chuyên gia Việt Nam, chuyên gia Bỉ, kết hợp đi thực địa và xử lý thông tin tập trung tại xưởng. Các chương trình làm việc thường rất tập trung, dưới áp lực cao về thời gian và công việc, nhưng cũng là cách làm bật ra những tư duy sáng tạo của các kiến trúc sư trẻ.

Trong khâu “Phân tích đô thị”, workshop thực hiện qua lại nhiều lần các công việc như:

- Thu thập dữ liệu và diễn giải bản đồ/ đồ họa đại diện phản ánh những dự báo về các hệ quả không gian khi lũ lụt và hạn hán gia tăng do biến đổi khí hậu; khi các bề mặt hấp thụ nước giảm đáng kể vì xu hướng bê tông hoá, cứng hoá các bề mặt thành phố; khi dân số và kinh tế xã hội biến động liên tục;

- Tập trung lập luận và vẽ các bản đồ phân tích mối quan hệ chuyển đổi giữa thủy văn và đô thị hoá Hà Nội, những thay đổi trong nguyên tắc và thực tiễn quản lý nước ở Hà Nội;

- Lập bản đồ phân tích Hà Nội theo thời gian và thời điểm để thấy cả tăng trưởng và suy giảm; phát triển và suy thoái;

- Lập bản đồ dự báo thể hiện tầm nhìn, các chương trình và dự án chiến lược; trong đó nhấn mạnh chiến lược cho nước trong tương lai: chung sống với thiên nhiên chứ không kiểm soát; liên kết ngành sinh thái học với quy hoạch và kỹ thuật đô thị.

Đặt câu hỏi

Một trong những điểm mới nữa của cách tiếp cận này là việc đặt câu hỏi trong quá trình nghiên cứu - thiết kế. Nhà quy hoạch cần có khả năng *đưa ra câu hỏi đúng, khẳng định đích xác các vấn đề cốt lõi*, và từ đó *đưa ra các đề tài nghiên cứu cụ thể*. Đây cũng là cách làm rất mới, chưa thấy trong cách đào tạo, nghiên cứu và thực hành đô thị ở Việt Nam.

Tại mỗi thời điểm chuyển tiếp giữa các giai đoạn của quy trình nghiên cứu – thiết kế, sản phẩm của giai đoạn trước phải được trình bày và kết thúc bằng việc đặt ra (ba) câu hỏi mà việc trả lời các câu hỏi này sẽ dẫn đến giai đoạn tiếp theo. Chất lượng của các câu hỏi rất quan trọng: phải cụ thể, trực tiếp, phản ánh chủ đề hoặc vấn đề đang được xem xét. Nếu câu hỏi này có thể áp dụng cho bất cứ chủ đề, vấn đề khác thì coi như chưa đạt yêu cầu về độ cụ thể và trực tiếp, và cần phải được viết lại. Các câu hỏi phải là những câu hỏi ‘mở’, tức là không phải kiểu câu hỏi mà câu trả lời là đúng - sai, có - không, vì đó là những câu hỏi đóng. Những câu hỏi gợi ra những hướng trả lời, đồng thời phê bình đánh giá những hướng trả lời đó, buộc cả người đặt câu hỏi và người trả lời cần phải có lập luận và chính kiến. Các câu hỏi cần gợi lên những câu trả lời mà chúng lại tiếp tục chỉ ra câu hỏi nghiên cứu tiếp theo. Bằng cách đó, chúng thực sự trở thành các câu hỏi nghiên cứu.

Chương trình của xưởng NC-TK yêu cầu các thành viên tham gia phải đưa ra được một chuỗi các câu hỏi:

- Các câu hỏi ban đầu (blind questions): 3 câu, dựa trên những kiến thức, thông tin ban

đầu có được về Việt Nam và vùng Hà Nội. Ba câu hỏi này tạo nên các giả định đầu tiên về địa điểm và các động thái của nó.

- Các câu hỏi nghiên cứu (research questions): 3 câu. Kết thúc giai đoạn nghiên cứu thực địa tại Việt Nam, mỗi nhóm cần báo cáo những hiểu biết mới của mình sau khi đi thực địa dưới hình thức của 3 câu hỏi nghiên cứu, được minh họa bằng các sơ đồ, bản đồ, hình ảnh đồ họa.

- Các câu hỏi thiết kế (design questions): 3 câu. Đây là giai đoạn giữa của chương trình Workshop, trong đó các học viên phải trình bày được các kết quả nghiên cứu, các bản đồ, và 3 câu hỏi liên quan đến chiến lược thiết kế, tập trung vào cách can thiệp nào giúp chúng ta nhìn nhận lại các vấn đề đã xác định

- Các câu hỏi tranh luận (debate questions): 3 câu. Đây là phần kết thúc của xưởng NC-TK. Toàn bộ quá trình Workshop sẽ được tập hợp thành các câu hỏi kết luận, được chia sẻ rộng rãi để tất cả chúng ta giới chuyên môn trong và ngoài nước cùng tiếp tục suy ngẫm và phản biện. Nhóm các câu hỏi cuối cùng này, chính nó là các dự án thiết kế cụ thể và cũng là phần quan trọng của sản phẩm đầu ra cuối cùng được công bố của Workshop.

3. Nhận diện những đặc điểm và vấn đề của thủ đô Hà Nội - Kết quả từ các xưởng NC-TK “Hà Nội – đô thị nước”

Trong lịch sử, Việt Nam là một quốc gia mà sự hình thành và phát triển luôn gắn liền với yếu tố ‘nước’. Truyền thống ứng xử với ‘nước’ ở Việt Nam luôn có sự kết hợp nhiều chủ thể, nhiều thế lực, thể hiện ở nhiều khía cạnh của cuộc sống; là sự thích ứng và chấp nhận - ở một chừng mực nhất định - các thế lực thiên nhiên. Ngày nay, sau một thời gian tự do hóa kinh tế và chuyển đổi từ truyền thống sang hiện đại, yếu tố ‘nước’ trong sự phát triển bị xem nhẹ và thường chỉ được xem xét từ các lĩnh vực riêng rẽ (chính trị, kỹ thuật hoặc thương mại). Khi thách thức của quá trình đô thị hóa và sự biến đổi khí hậu gia tăng, ‘nước’ trở thành vấn đề nổi cộm. Trong khi đó, cách tiếp cận đa ngành và thích ứng lại chưa được quan tâm đúng mức khi chúng ta vẫn đang can thiệp vào đô thị theo cách tiếp cận đơn ngành, đơn chủ thể.

3.1 Những hiện thực không mong muốn

Hà Nội, thủ đô của Việt Nam - một quốc gia có lịch sử lâu đời hình thành và phát triển trong mối quan hệ gắn bó với nước. Riêng với Hà Nội, ý nghĩa của ‘nước’ đã được phản ánh ngay trong tên gọi của thành phố: ‘thành phố trong sông’. Mối quan hệ của đô thị hóa Hà Nội với nước giữ một vị trí đặc quyền trong lịch sử ngàn năm tuổi của thành phố. Không gian Hà Nội được cấu trúc bởi yếu tố ‘nước’ gồm sông Hồng hùng vĩ - hay còn gọi là sông Cả (sông mẹ), các sông con (sông Đáy, sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu...) và một mạng lưới rộng lớn (nhưng đang dần biến mất) các hồ tự nhiên và nhân tạo. Sông Hồng là một huyết mạch thương mại hấp dẫn nổi với Trung Quốc trong lịch sử. Sông dài là 1149km, trong đó có 510km chảy trên lãnh thổ Việt Nam (và bao gồm một diện tích lưu vực 60.000 km²). Sông Hồng đổ vào Vịnh Bắc Bộ khoảng 100 km về phía hạ lưu.

Theo thuật Phong thủy truyền thống, ông cha ta đặt sự tôn kính đặc biệt đối với yếu tố nước và xem xét cẩn trọng mối liên hệ giữa nước khi lựa chọn địa điểm cho các quần cư. Hà Nội đã từng có một mối quan hệ mạnh mẽ với dòng sông và một mạng lưới kết nối kênh mương, hồ tự nhiên và nhân tạo.

3.2 Những câu hỏi nghiên cứu được đặt ra cho sông Hồng

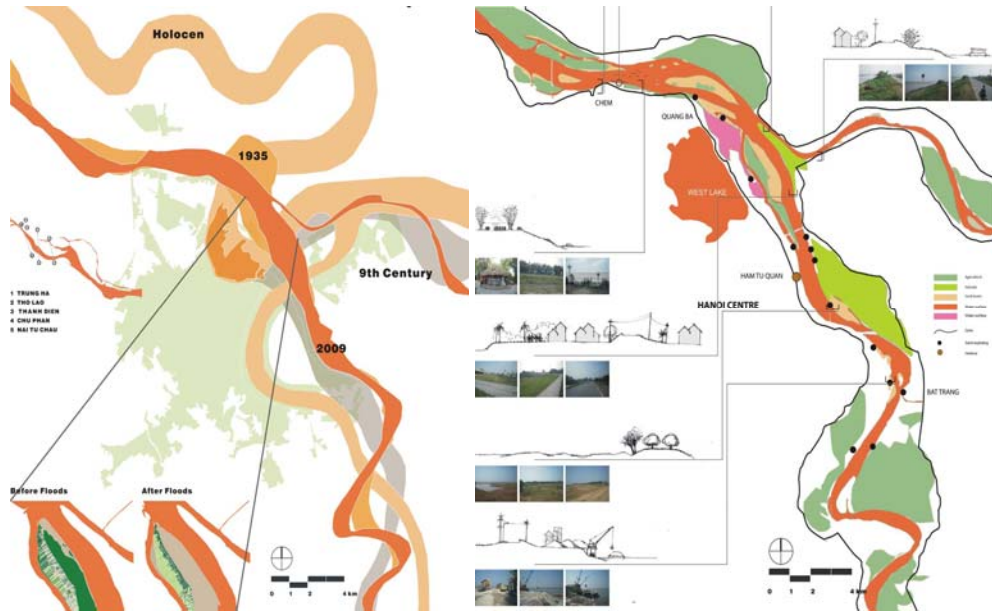
- Giải pháp nào có thể áp dụng thể thích ứng với động thái rất cực đoan của sông Hồng? Những giải pháp này có thể định dạng mối quan hệ mới của Hà Nội với dòng sông không?
- Có thể tối ưu hóa việc sử dụng những tiềm năng từ động thái sông Hồng không?
- Những công năng sản xuất nào có thể kết hợp dọc theo sông Hồng để làm lợi cho Hà Nội?

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG

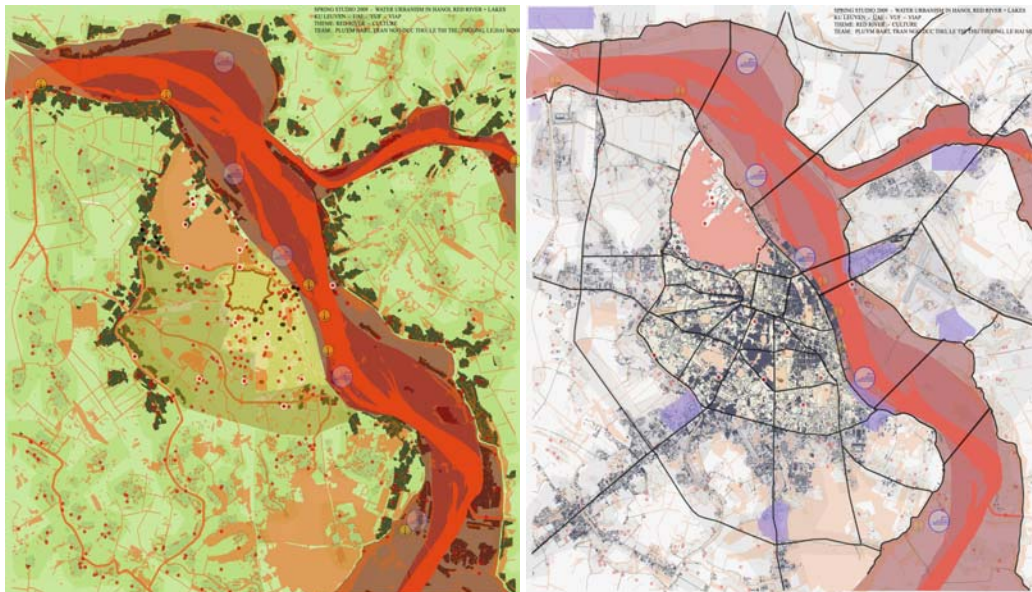
- Những chiến lược nào có thể áp dụng có những hoạt động khai thác ven sông để tối ưu hóa lợi ích và giảm thiểu tác hại sinh thái? Có thể tổng kết những giải pháp này thành một chương trình quản lý nước không?

Các ao, hồ

- Hà Nội - được biết đến như một thành phố của sông và hồ, nhưng số lượng cũng như diện tích các mặt nước ao hồ đã suy giảm đáng kể. Trong khoảng thời gian từ 1994 đến 2005, giảm 8-25% tổng diện tích các hồ; từ 1950 đến 2000 giảm 70% số lượng các mặt nước tại Hà Nội.



Hình 1. Động thái tự nhiên của sông - Cần có những giải pháp thích nghi với những lực thiên nhiên (nguồn: Workshop ĐTHCQ sông hồ Hà Nội 2009)



Hình 2. Hà Nội từ một thành phố sông - tới một thành phố cầu (nguồn: Workshop ĐTHCQ sông hồ Hà Nội 2009)

Những câu hỏi đặt ra với các ao hồ Hà Nội

- Có thể khôi phục những hồ đã mất trong sức ép phát triển đô thị không? Làm thế nào để cách tiếp cận này có thể được áp dụng trong quá trình đô thị hóa ngày càng tăng?

- Làm thế nào để tái tạo quan hệ của Hà Nội với hệ thống hồ - mặc dù rất đa dạng nhưng vẫn tạo thành một hệ thống kết hợp với toàn bộ logic thủy văn của thành phố (trái với việc coi hồ chỉ như những bể chứa nước tù đọng)

- Những chiến lược nào có thể áp dụng để bảo tồn và phát huy chất lượng tự nhiên của các Hồ Hà Nội? Có thể định hướng những chiến lược này trở thành một phần trong những giá trị gia tăng bền vững từ đó thành một trong những tiêu chí công cộng?

Các sông nhỏ

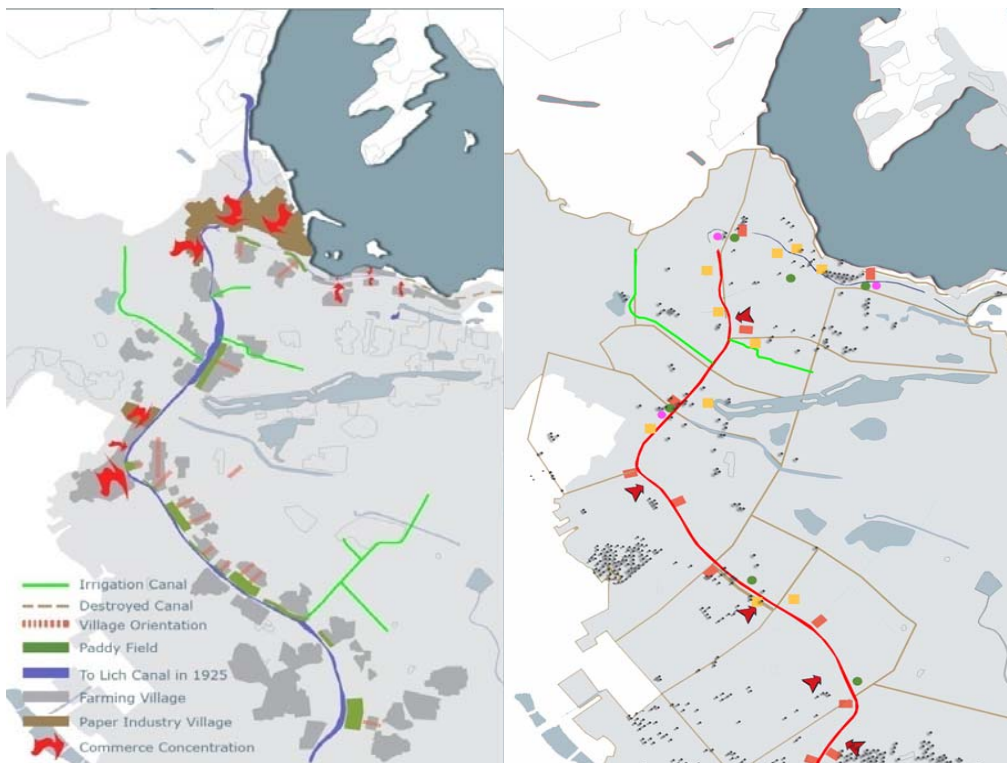
Ở Hà Nội vẫn còn tồn tại một mạng lưới những sông nhỏ và kênh (đang bị cắt rời). Sông Tô Lịch, từ một dòng sông sống, là huyết mạch văn hoá, kinh tế, xã hội quan trọng một thời, nơi quản tụ của hàng loạt các làng nghề sầm uất và trù phú của Hà Nội, nay trở thành một kênh thoát nước ô nhiễm (1925 và 2008).

Nhưng câu hỏi đặt ra đối với các sông nhỏ Hà Nội là

- Làm thế nào để những kênh và sông nhỏ của Hà Nội có thể trở thành xương sống cho một phát triển đô thị chất lượng cũng như cho quản lý nước đô thị?

- Những sông nhỏ, kênh này có thể được tái kết nối với hệ thống nước của châu thổ không? Nếu được thì dưới dạng nào? Hà Nội sẽ được hay mất gì?

- Làm thế nào để những giá trị sinh thái nội tại của hệ thống sông nhỏ, kênh rạch có thể được kết hợp vào quá trình biến đổi của đô thị hóa?



Hình 3. Sông Tô lịch – từ dòng sông sống thành dòng sông chết
(nguồn: Workshop ĐTHCQ sông hồ Hà Nội 2009)



Hình 4. Chiến lược dành thêm chỗ cho nước (nguồn: Workshop ĐTHCQ sông hồ Hà Nội 2009)

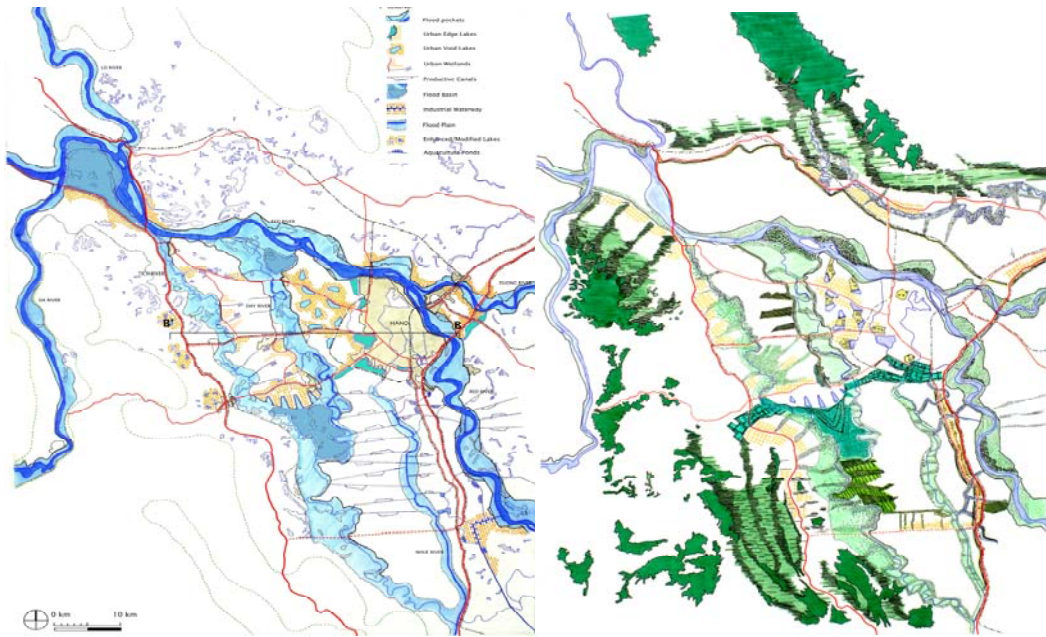
Những kinh nghiệm tưới tiêu và trị thủy truyền thống khéo léo đã dần biến mất do các dự án phát triển đô thị đủ các quy mô lớn nhỏ ở những vùng ven đô thị. Tầm quan trọng của cảnh quan văn hóa của Việt Nam được hình thành qua hàng triệu năm, đã bị bỏ qua trong thực tiễn quy hoạch và đô thị hoá gần đây, cả ở quy mô toàn bộ cấu trúc lãnh thổ (Đồ án Quy hoạch Hà Nội mở rộng) và cả quy mô nhỏ (hàng trăm dự án ở Hà Tây, Vĩnh phúc). Đầu cơ bất động sản thực sự tăng tốc kể từ khi tự do hóa của nền kinh tế Việt Nam, đặt cảnh quan dưới một áp lực rất lớn. Đô thị hoá trên diện rộng hiện nay ở Hà Nội (cũng như tại nhiều địa phương khác) đã ‘chiếm đoạt’ không gian của nước, phá huỷ và cản trở toàn bộ hệ thống thủy lợi tinh tế của khu vực, sông hồ bị lấp, ô nhiễm nước mặt gia tăng trầm trọng; thoát nước đô thị bế tắc. Trận lụt lịch sử tại Hà Nội năm 2008 đã cho chúng ta bài học nhấn tiên về hậu quả của cách tiếp cận quy hoạch bừa bãi trong suốt thời gian qua.

Mặc dù vấn đề ‘nước’ dường như đã được đưa trở lại trong các trao đổi chuyên môn xung quanh Đồ án quy hoạch chung thủ đô Hà Nội đến 2030 và tầm nhìn 2050, nhưng thực tiễn đòi hỏi một cách tiếp cận đa ngành, thận trọng và tinh tế hơn nữa, cần các giải pháp sáng tạo linh hoạt, kết hợp kỹ thuật hạ tầng thoát nước, giao thông, xây dựng và không gian công cộng để có được lời giải tối ưu cho ‘bài toán đô thị nước Hà Nội’.

Kết quả của các Workshop đã chỉ ra rằng với Hà Nội và vùng Hà Nội, chúng ta cần một lần nữa khẳng định động thái cực đoan của sông Hồng. Hiểu được dòng sông, “cá tính” đầy mãnh liệt của nó, sự bồi tụ uốn dòng là động thái rất tự nhiên của nó.

Vì vậy, chiến lược lâu dài là dành chỗ cho nước (hình 4). Để dành một vùng đệm đáng kể dọc theo sông với những chức năng phù hợp như: canh tác, sinh thái, vui chơi, giải trí; hạn chế đầu tư xây dựng những kết cấu kiên cố tốn kém.

Trong đô thị, cần đảm bảo quỹ sông, hồ và đất trũng để đảm bảo nhu cầu thoát nước mặt cục bộ, duy trì cảnh quan tự nhiên trong đô thị, kết hợp với các cơ sở hạ tầng xã hội như các không gian thể dục thể thao, vui chơi giải trí; thậm chí kết hợp nông nghiệp đô thị; tạo nên bộ khung XANH (lục – lam) cho đô thị (hình 5).



Hình 5. Bộ khung XANH (lục – lam) cho sự phát triển và mở rộng Hà Nội
(nguồn: Workshop ĐTHCQ sông hồ Hà Nội 2009)

Tài liệu tham khảo

1. Tài liệu nghiên cứu, bài giảng và tư liệu của hai workshop chủ đề “Hà Nội – đô thị nước” năm 2009, 2011 của KUL và Đại học Xây dựng.
2. Kelly Shannon, Bruno De. (2010), *Sổ tay Quy hoạch và thiết kế đô thị ở Việt Nam: phát triển bền vững trong thời đại biến đổi khí hậu*.
3. Allison Duncan, Ethan Seltzer (2010), *Landscape Urbanism: An Annotated Bibliography*.
4. McHarg, I. L. (1995), *Design with Nature* (1st ed.). Wiley.